

Bản án số: 58/2018/HSST

Ngày 30-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phú

Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2018/TLST- HS ngày 21 tháng 9 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; tại thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn L1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L2 (không xác định được địa chỉ); Vợ: Thân Thị H, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; **Tiền án, Tiền sự:** không

Bị cáo không bị giam giữ, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt)

Người bị hại: Anh Thân Văn Ch, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Thân Văn T, sinh năm 1968(vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973(có mặt)

2. Chị Thân Thị H, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng cư trú tại: thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Thân Văn L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cư trú tại: thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 01/5/2018, Nguyễn Văn C, sinh năm 1984, ở thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang đến nhà anh Thân Văn L, sinh năm 1972, ở thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang chơi, thì gặp anh Thân Văn Ch, sinh năm 1984 và anh Thân Văn T, sinh năm 1968, đều ở thôn Q, xã T, huyện Y đang ngồi uống nước ở nhà anh L, C vào ngồi uống nước cùng. Trong khi mọi người ngồi uống nước, anh Ch mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng- đen- đỏ BKS 98B1- 143.80 của anh Lê Văn T để đi cắt tóc. Thấy vậy, C nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô của anh Ch đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, C nói với anh Ch cho C đi cắt tóc cùng. Khảng 9 giờ 15 phút cùng ngày, anh Ch điều khiển xe mô tô BKS 98B1- 143.80 chở C đến quán cắt tóc của anh Thân Thanh L, sinh năm 1993 ở cùng thôn, khi đến cửa quán C nói dối anh Ch là cho C mượn xe để đi ra đầu làng vay tiền của bạn. Do quen biết và tin tưởng nên anh Ch đồng ý cho C mượn xe. Sau khi mượn được xe, C điều khiển xe mô tô đến khu vực xã T, thành phố B tìm chỗ cầm cố xe mô tô thì gặp một người đàn ông tên là H, trước đây làm xây dựng cùng C, C nhờ H tìm chỗ cầm cố xe thì H đưa đến nhà anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1975 ở Tổ 4, phường M, thành phố B. C thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 98B1- 143.80 cho anh Ph được 2.000.000đ. Toàn bộ số tiền này C chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi thấy C không trả xe, anh Ch đi tìm và nhiều lần gọi điện thoại cho C, nhưng không được, ngày 07/5/2018, anh Ch làm đơn trình báo Công an huyện Y.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, sau khi biết C cầm cố chiếc xe mô tô ở nhà anh Ph, anh Ch đến nhà anh Ph chuộc lại chiếc xe mô tô BKS 98B1- 143.80 hết 2.000.000đ và đi chiếc xe này giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản, xác định chiếc xe mô tô C chiếm đoạt của anh Ch. Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL- ĐGTS ngày 02/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, BKS 98B1- 143.80 giá trị 6.698.000đ.

Cáo trạng số 59/CT- VKSYD ngày 21 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Nguyễn Văn C về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị

Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Văn C phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn C 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 579 Điều 580 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo hoàn trả cho anh Ch 2.000.000đ.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, không bị oan. Bị cáo nhất trí nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 9 giờ 15 phút ngày 01/5/2018, tại thôn Q, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 ở thôn A, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang, lợi dụng sự quan biết, tin tưởng của anh Ch, C lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, BKS 98B1- 143.80 giá trị 6.698.000đ của anh Thân Văn Ch, sinh năm 1984 ở thôn Q, xã T, huyện Y đem đi cầm cố cho anh Phạm Văn Ph, sinh năm 1975 ở Tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang được 2.000.000đ để chi tiêu cá nhân hết. Ngày 26 tháng 6 năm 2018, anh Ch đến nhà anh Ph chuộc lại chiếc xe mô tô hết 2.000.000đ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hội đồng xét xử kết luận: Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của anh Chung được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thuộc hộ nghèo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[3] **Tình tiết giảm nhẹ:** Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] **Tình tiết tăng nặng:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Song khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, có 02 tình

tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xét thấy, không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[6] Anh Phạm Văn Ph có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 98B1-143.80, anh Ph không biết đó là tài sản do C phạm tội mà có. Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[7] Đối với người đàn ông tên H có hành vi đưa C đi cầm cố chiếc xe mô tô, nhưng C không nói với người đàn ông tên H đó là tài sản do phạm tội mà có. Ngoài ra, C chỉ biết H khoảng 35 tuổi, nhà ở xã T, thành phố B, kết quả xác minh tại xã T thể hiện không xác định được đối tượng nào có tên H có thông tin như C cung cấp. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8] Trách nhiệm dân sự: Ngày 06/8/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả cho anh Thân Văn T chiếc xe nhãn hiệu Honda, loại xe Wave RSX, BKS 98B1- 143.80, anh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì, Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 2.000.000đ anh Thân Văn Ch chuộc xe, nay anh Ch yêu cầu C bồi thường, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Ch.

[9] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 174, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 236, 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc

Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường cho anh Thân Văn Ch 2.000.000đ.

III. Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh; VKSND;
- T.H.A.(3b);
- Lưu HS.VP;
- Công an Yên Dũng ;
- Bị cáo, UBND xã Tr.

Bùi Thị Hương

